**PHỤ LỤC**

**HƯỚNG DẪN HỒ SƠ THAM GIA LỰA CHỌN VÀ TIÊU CHUẨN, PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ LỰA CHỌN ĐƠN VỊ ĐẦU TƯ KHAI THÁC TUYẾN XE BUÝT**

**NỘI TỈNH KHÔNG TRỢ GIÁ: TAM KỲ - PHÚ NINH - TIÊN PHƯỚC**

*(Kèm theo Thông báo số /TB-SGTVT ngày /9/2024 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Nam)*

1. **Quy định về hồ sơ tham gia lựa chọn và tiêu chuẩn đánh giá**
2. **Về hồ sơ**

Hồ sơ gồm 02 bộ (01 bản gốc, 01 bản phô tô tương ứng). Đơn vị vận tải phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản gốc và bản phô tô. Bản gốc và bản phô tô của hồ sơ phải được đựng trong từng túi có niêm phong, bên ngoài ghi rõ “Bản gốc” hoặc “Bản phô tô”, sau đó túi bản gốc và bản phô tô tiếp tục được đựng trong cùng một túi lớn có niêm phong *(cách đánh dấu niêm phong do đơn vị vận tải tự quy định*). Hồ sơ phải nộp đúng thời hạn theo quy định, bất kỳ tài liệu nào thuộc hồ sơ nộp sau thời điểm kết thúc nhận hồ sơ theo quy định thìđược xem là không hợp lệ, trừ tài liệu làm rõ hồ sơ theo yêu cầu bằng văn bản của Sở Giao thông vận tải (Cơ quan tổ chức lựa chọn).

**2. Yêu cầu của hồ sơ tham dự**

- Có đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định, cụ thể như sau:

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN**

**Tên đơn vị** …………… **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
 **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*……… , ngày ….. tháng ….. năm ……*

|  |
| --- |
| **HỒ SƠ THAM GIA LỰA CHỌN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE BUÝT**  - Tên tuyến vận tải: Tam Kỳ - Phú Ninh - Tiên Phước  - Mã số tuyến: 07  - Lộ trình chạy xe: Đường trục chính KCN Tam Thăng (điểm khu vực Cây xăng dầu KCN Tam Thăng) - đường Nguyễn Văn Trỗi - đường Hùng Vương - đường Trần Quý Cáp - đường Lý Thường Kiệt - đường Trần Phú - ĐT.616 - ĐH.1 (Tiên Phước) - đường Huỳnh Thúc Kháng - đường Mười Tháng Ba - ĐT.614 - Bến xe khách Tiên Phước.  - Điểm đầu tuyến: Đường trục chính KCN Tam Thăng  - Điểm cuối tuyến: Bến xe khách Tiên Phước  - Tần suất chạy xe: ……………………(đảm bảo tối thiểu 24 chuyến/ngày).  - Cơ quan tổ chức lựa chọn: Sở GTVT tỉnh Quảng Nam  **Đại diện hợp pháp của đơn vị đăng ký lựa chọn**  *(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)* |

**THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

1. Đơn đăng ký lựa chọn (Mẫu số 1).

2. Giấy phép kinh doanh vận tải.

3. Phương án đầu tư khai thác tuyến (Mẫu số 2).

4. Bảng kê phương tiện hiện có (Mẫu số 3).

5. Bảng đăng ký phương tiện dự kiến đầu tư để thực hiện khai thác tuyến (Mẫu số 4).

6. Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải (Mẫu số 5).

7. Quy trình bảo đảm an toàn giao thông (Mẫu số 6).

8. Năng lực bảo dưỡng phương tiện (Mẫu số 7).

9. Cam kết thực hiện thay thế, bổ sung xe điện trong quá trình khai thác (Mẫu số 8).

10. Cam kết chấp hành quy định của pháp luật về GTĐB trong quá trình khai thác (Mẫu số 9).

11. Bảng tự đánh giá năng lực và hoạt động kinh doanh khai thác tuyến (Mẫu số 10).

12. Bảng tự kê khai đánh giá kỹ thuật (Mẫu số 11).

**Mẫu số 1**

**Tên đơn vị** …………… **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
 **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*……… , ngày ….. tháng ….. năm ……*

**ĐƠN ĐĂNG KÝ LỰA CHỌN (1)**

Kính gửi: Sở GTVT tỉnh Quảng Nam

Sau khi nghiên cứu và khảo sát sơ bộ tuyến xe buýt: Tam Kỳ - Phú Ninh - Tiên Phước, đơn vị: ………(Ghi tên đơn vị đăng ký lựa chọn) đăng ký khai thác vận tải hành khách bằng xe buýt, như sau:

- Tên tuyến: Tam Kỳ - Phú Ninh - Tiên Phước.

- Mã số tuyến: 07

- Cự ly vận chuyển: ………...km.

- Lộ trình chạy xe: Đường trục chính KCN Tam Thăng (điểm khu vực Cây xăng dầu KCN Tam Thăng) - đường Nguyễn Văn Trỗi - đường Hùng Vương - đường Trần Quý Cáp - đường Lý Thường Kiệt - đường Trần Phú - ĐT.616 - ĐH.1 (Tiên Phước) - đường Huỳnh Thúc Kháng - đường Mười Tháng Ba - ĐT.614 - Bến xe khách Tiên Phước và ngược lại.

- Tần suất chạy xe:…..

- Giờ mở tuyến: ……giờ....phút; giờ đóng tuyến: .... giờ... phút.

- Thời gian hoạt động trong ngày: …... giờ.

- Tổng số xe đăng ký: ……..xe (tối thiểu 06 xe).

- Loại xe: …; nhãn hiệu...;năm sản xuất…; số chỗ… (ngồi…, chỗ đứng...); màu sơn...

1. Tham gia Hồ sơ đăng ký lựa chọn này với tư cách là đơn vị đăng ký lựa chọn chính.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không trong thời gian bị đình chỉ kinh doanh vận tải.

4. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký lựa chọn là trung thực và không thực hiện các hành vi hối lộ, thông đồng khi tham dự lựa chọn đơn vị đầu tư khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt này.

5. Thực hiện đúng các đề xuất và cam kết về kỹ thuật, phương án tổ chức đưa ra trong hồ sơ đăng ký lựa chọn trong suốt quá trình khai thác tuyến.

**Đại diện hợp pháp của đơn vị đăng ký**

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)**Mẫu số 2**

**Tên đơn vị** …………… **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*………… , ngày …… tháng ….. năm ……..*

**PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH**

**BẰNG XE BUÝT: TAM KỲ - PHÚ NINH - TIÊN PHƯỚC**

1. Đặc điểm tuyến:

Tên tuyến: …………………. ……………………………………………………………

Lộ trình xe chạy: ……………………………………………………..…… và ngược lại.

Tần suất chạy xe: …………phút/chuyến.

2. Biểu đồ chạy xe:

3. Thời gian thực hiện hành trình chạy xe:…….. phút

4. Tốc độ lữ hành:….Km/h

5. Số lượng, chủng loại của xe khai thác trên tuyến:

Tổng số xe: …… chiếc (tối thiểu 06 xe). Trong đó số xe dự phòng: …… chiếc.

Sức chứa: ………… chỗ ngồi, ………… chỗ đứng.

Nhãn hiệu: …………………

Năm sản xuất: ………………….

Màu sơn: ……………………….

6. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ, nhân viên bán vé trên xe:

Tổng số lái xe, nhân viên phục vụ: …………….người;

Số lượng lái xe, nhân viên phục vụ /1 xe: ……….…….

Chứng chỉ tập huấn:……..; Đồng phục:……………….

7. Giá vé và cước hành lý:

7.1. Giá vé:

7.1.1. Giá vé suốt tuyến: ……………………đồng/HK.

7.1.2. Giá vé chặng:

- Chặng 1 (từ……… đến………. ): …………………đồng/HK.

- Chặng 2 (từ ………đến………. ): ………………….đồng/HK.

- ………………….

7.1.3. Giá vé dành cho người có công, người cao tuổi, người khuyết tật,…:………………

7.2. Giá cước hành lý:

7.2.1. Hành lý được miễn cước: ………………kg.

7.2.2. Giá cước hành lý vượt quá mức miễn cước: ……..đ/kg.

8. Hình thức bán vé:

9. Nhà chờ, điểm dừng: Đơn vị vận tải cam kết tự đầu tư sau khi phối hợp khảo sát, thống nhất của cơ quan có thẩm quyền.

**Đại diện hợp pháp của đơn vị đăng ký**

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

**Mẫu số 3**

**Tên đơn vị** …………… **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*………… , ngày …… tháng ….. năm ……..*

**BẢNG KÊ KHAI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH HIỆN CÓ ĐỂ THỰC HIỆN**

**ĐƯA VÀO KHAI THÁC TUYẾN**

Tổng số lượng phương tiện vận tải hành khách của đơn vị: ………… xe.

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Biển số | Năm sản xuất | Sức chứa (chỗ đứng + chỗ ngồi) | Màu sơn | Các trang thiết bị | | |
| Điều hòa | Wifi | Thiết bị GSHT, camera, thiết bị hỗ trợ người khuyết tật |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

***\* Ghi chú:***Đơn vị nộp các tài liệu chứng minh kèm theo:  
- Bản sao có chứng thực Giấy đăng ký xe ô tô;  
- Giấy tờ chứng minh quyền quản lý, sử dụng hợp pháp (nếu không thuộc sở hữu của đơn vị).

**Đại diện hợp pháp của đơn vị** (Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

**Mẫu số 4**

**Tên đơn vị** …………… **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*………… , ngày …… tháng ….. năm ……..*

**BẢNG ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN DỰ KIẾN ĐẦU TƯ**  
**ĐỂ THỰC HIỆN KHAI THÁC TUYẾN ĐĂNG KÝ LỰA CHỌN**

Tổng số lượng phương tiện đăng ký đầu tư: ………… xe.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại xe | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Sức chứa (chỗ đứng + chỗ ngồi) | Màu sơn | Các trang thiết bị | | |
| Điều hòa | Wifi | Thiết bị, công cụ hỗ trợ người khuyết tật |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |

***\* Ghi chú:***Đơn vị nộp các tài liệu chứng minh kèm theo: Hợp đồng hoặc văn bản được ký với Đơn vị cung cấp phương tiện đảm bảo nhà đầu tư có thể thực hiện đầu tư phương tiện.

**Đại diện hợp pháp của đơn vị** (Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

**Mẫu số 5**

**Tên đơn vị** …………… **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*………… , ngày …… tháng ….. năm ……..*

**GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI**

Kính gửi: Sở GTVT tỉnh Quảng Nam

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.............................................................................

2. Địa chỉ:..................................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):...............................................................................................

4. Nội dung đăng ký

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách của Bộ Giao thông vận tải (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

Đơn vị đạt hạng: …. (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

**Đại diện hợp pháp của đơn vị đăng ký**

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

**Mẫu số 6**

**Tên đơn vị** …………… **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*………… , ngày …… tháng ….. năm ……..*

**QUY TRÌNH**

**BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước** | **Nội dung** | **Tổ chức, cá nhân thực hiện** | **Thời điểm thực hiện** |
| **1** | - Theo dõi, tổng hợp, phân tích các dữ liệu hoạt động của từng phương tiện (thôngqua thiết bị GSHT, camera) và qua các biện pháp quản lý khác của đơn vị, từ đó đánh giá, nhắc nhở, chấn chỉnh lái xe đội ngũ lái xe, nhân viên phục vụ trên xe;  - Tiếp nhận và xử lý các đề xuất, phản ánh của đội ngũ lái xe, nhân viên phục vụ trên xe về các vấn đề liên quan đến ATGT. | Bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT | Thường xuyên trong hoạt động kinh doanh vận tải khách của đơn vị |
| - Bố trí xe và lái xe, nhân viên phục vụ thực hiện nhiệm vụ vận chuyển (đảm bảo thời gian làm việc của lái xe theo đúng quy định) | Bộ phận điều độ (hoặc cán bộ được phân công). | Trước khi giao nhiệm vụ vận chuyển |
| **2** | Chuyển các thông tin tại bước 1 cho cán bộ được lãnh đạo phân công trực tiếp giao nhiệm vụ vận chuyển cho lái xe, nhân viên phục vụ | Bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT và Bộ phận điều độ | Trước khi giao nhiệm vụ vận chuyển |
| **3** | - Kiểm tra GPLX; chứng chỉ tập huấn; giấy tờ xe; Lệnh vận chuyển;  - Thông báo cho lái xe những ưu, nhược điểm trong lần thực hiện nhiệm vụ vận chuyển gần nhất và các nội dung khác có liên quan. | Cán bộ được phân công và lái xe, nhân viên phục vụ | Trước khi thực hiện vận chuyển |
| **4** | Kiểm tra tình trạng an toàn kỹ thuật của xe:  - Kiểm tra tình trạng sẵn sàng hoạt động của thiết bị GSHT, camera;  - Kiểm tra hệ thống lái, hệ thống phanh,…  - Ghi chép kết quả kiểm tra và chuyển cho cán bộ được phân công. | Lái xe | Sau khi được giao nhiệm vụ và trước khi cho xe khởi hành |
| **5** | - Tiếp nhận kết quả kiểm tra an toàn kỹ thuật từ các lái xe và ký xác nhận. Nếu có nội dung không đảm bảo thì tùy theo mức độ sẽ cho sửa chữa, khắc phục ngay hoặc thông báo cho bộ phận điều độ bố trí xe thay thế;  - Tập hợp, lưu trữ vào Hồ sơ theo dõi an toàn của từng phương tiện. | Bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT hoặc cán bộ được phân công. | Trước khi cho xe khởi hành |
| **6** | - Theo dõi quá trình hoạt động của phương tiện, kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh lái xe khi phát hiện chạy quá tốc độ và các nguy cơ gây mất ATGT;  - Tổng hợp các sự cố mất ATGT trong quá trình xe hoạt động kinh doanh vận tải trên đường. Đưa ra phương án xử lý khi xảy ra các sự cố gây mất ATGT. | Bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT | Khi xe đang hoạt động |
| **7** | - Thực hiện nghiêm các quy định về ATGT trong quá trình điều khiển xe vận chuyển hành khách;  - Báo cáo ngay thời gian, địa điểm và nguyên nhân khi xảy ra sự cố mất ATGT để đơn vị có biện pháp xử lý. | Lái xe | Khi xe đang hoạt động |
| **8** | - Thống kê số vụ, nguyên nhân, mức độ TNGT đã xảy ra của từng lái xe (nếu có) và tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm;  - Xây dựng và thực hiện phương án xử lý khi xảy ra sự cố gây mất ATGT trong quá trình kinh doanh vận tải; | Bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT | Định kỳ hằng tháng |
| **9** | - Thống kê quãng đường xe chạy để thực hiện chế độ bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện;  - Thống kê và theo dõi kết quả bảo dưỡng, sửa chữa của từng phương tiện. | Bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT | Khi kết thúc hành trình |

**Đại diện hợp pháp của đơn vị** (Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

**Mẫu số 7**

**Tên đơn vị** …………… **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*………… , ngày …… tháng ….. năm ……..*

**NĂNG LỰC BẢO DƯỠNG PHƯƠNG TIỆN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị trực tiếp bảo dưỡng phương tiện** | **Đơn vị có hợp đồng hợp tác bảo dưỡng với đơn vị khác theo quy định hoặc thuê đơn vị có chức năng thực hiện dịch vụ bảo dưỡng** | **Ghi chú** |
| **1** | Năng lực bảo dưỡng phương tiện |  |  |  |

***\* Ghi chú:***

- Đối với đơn vị trực tiếp bảo dưỡng phương tiện: Đơn vị được đánh giá là đủ điều kiện tự bảo dưỡng phương tiện phải nộp kèm Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Đối với trường hợp có hợp đồng hợp tác bảo dưỡng với đơn vị khác theo quy định hoặc thuê đơn vị có chức năng thực hiện dịch vụ bảo dưỡng: Đơn vị cung cấp hợp đồng hợp tác hoặc hợp đồng thuê bảo dưỡng, Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô do cơ quan có thẩm quyền cấp.

**Đại diện hợp pháp của đơn vị** (Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

**Mẫu số 8**

**Tên đơn vị** …………… **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*………… , ngày …… tháng ….. năm ……..*

**BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH THAY THẾ, BỔ SUNG PHƯƠNG TIỆN**

**XE ĐIỆN TRONG QUÁ TRÌNH KHAI THÁC**

Kính gửi: Sở GTVT tỉnh Quảng Nam

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.............................................................................

2. Địa chỉ:..................................................................................................................

3. Nội dung cam kết:

Căn cứ Phương án tổ chức lựa chọn đơn vị đầu tư khai thác các tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam Ban hành kèm Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam;

Đơn vị kinh doanh vận tải (ghi rõ tên đơn vị) cam kết trong quá trình khai thác tuyến xe buýt Tam Kỳ - Phú Ninh - Tiên Phước sẽ xây dựng kế hoạch đầu tư thay thế, bổ sung xe buýt sử dụng điện./.

**Đại diện hợp pháp của đơn vị** (Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

**Mẫu số 9**

**Tên đơn vị** …………… **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*………… , ngày …… tháng ….. năm ……..*

**BẢN CAM KẾT CHẤP HÀNH QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

**TRONG QUÁ TRÌNH KHAI THÁC**

Kính gửi: Sở GTVT tỉnh Quảng Nam

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.............................................................................

2. Địa chỉ:..................................................................................................................

3. Nội dung cam kết:

Căn cứ Phương án tổ chức lựa chọn đơn vị đầu tư khai thác các tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam Ban hành kèm Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam;

Đơn vị kinh doanh vận tải (ghi rõ tên đơn vị) cam kết trong quá trình khai thác tuyến xe buýt Tam Kỳ - Phú Ninh - Tiên Phước sẽ chấp hành nghiêm các quy định hiện hành của pháp luật về giao thông đường bộ; quy định của cấp có thẩm quyền về phương tiện đường bộ hoạt động trên địa bàn tỉnh./.

**Đại diện hợp pháp của đơn vị** (Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

**Mẫu số 10**

**Tên đơn vị** …………… **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*………… , ngày …… tháng ….. năm ……..*

**BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ ĐIỀU KIỆN VÀ NĂNG LỰC KINH DOANH VẬN  
TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE BUÝT**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung đánh giá năng lực và điều kiện kinh doanh** | **Diễn giải** | **Tự đánh giá** |
| **1** | **Điều kiện kinh doanh** |  |  |
| 1 | Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô loại hình kinh doanh vận tải bằng xe buýt |  |  |
| 2 | Năng lực tài chính (nguồn vốn chủ sở hữu để thực hiện đầu tư khai thác; Số vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng 30% tổng mức đầu tư;) |  |  |
| **2** | **Năng lực khai thác tuyến** |  |  |
| 2.1 | Phương án đầu tư, khai thác tuyến |  |  |
| 2.2 | Phương tiện xe buýt sử dụng khai thác vận chuyển khách |  |  |
| 2.3 | Đăng ký chất lượng dịch vụ |  |  |
| 2.4 | Camera, thiết bị Giám sát hành trình trên xe |  |  |
| 2.5 | Bảo đảm an toàn giao thông |  |  |
| 2.6 | Phát hành vé ưu tiên (miễn hoặc giảm giá vé) cho hành khách là trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật, người cao tuổi, người có công |  |  |

**Đại diện hợp pháp của đơn vị** (Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

***\* Ghi chú:***Đơn vị nộp đầy đủ các tài liệu chứng minh kèm theo; có bảo lãnh của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật để thực hiện khi được lựa chọn là đơn vị đầu tư khai thác tuyến.

**Mẫu số 11**

**Tên đơn vị** …………… **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*………… , ngày …… tháng ….. năm ……..*

**BẢNG KÊ KHAI VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung đánh giá** | **Diễn giải** | **Tự đánh giá** | **Ghi chú** |
| **1** | Niên hạn sử dụng và trang thiết bị trên xe |  |  |  |
| **1.1** | Niên hạn sử dụng |  |  |  |
| **a** | Xe mới 100% chưa qua sử dụng hoặc Xe điện còn niên hạn sử dụng theo quy định |  |  |  |
| **b** | Xe có 1 đến 4 năm niên hạn sử dụng |  |  |  |
| **c** | Xe có từ trên 4 năm đến 07 năm niên hạn |  |  |  |
| **d** | Xe có niên hạn từ trên 7 năm đến 10 năm |  |  |  |
| **1.2** | Các trang thiết bị trên mỗi phương tiện |  |  |  |
| **a** | Có điều hòa nhiệt độ |  |  |  |
| **b** | Có lắp Wifi |  |  |  |
| **c** | Có thiết kế, thiết bị, công cụ hỗ trợ người khuyết tật |  |  |  |
| **2** | **Năng lực bảo dưỡng phương tiện** |  |  |  |
| **a** | Trực tiếp của đơn vị |  |  |  |
| **b** | Hợp đồng thuê đơn vị khác thực hiện |  |  |  |
| **3** | **Hoạt động kinh doanh khai thác tuyến** |  |  |  |
| **a** | Có cam kết chấp hành các quy định của pháp luật về giao thông đường bộ; chấp hành quy định của cấp có thẩm quyền quy định về phương tiện đường bộ hoạt động trên địa bàn tỉnh |  |  |  |
| **b** | Có cam kết về kế hoạch thay thế, bổ sung xe điện trong quá trình khai thác |  |  |  |
| **c** | Có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành (có tài liệu kèm theo) |  |  |  |
| **4** | **Về kinh nghiệm hoạt động kinh doanh vận tải loại hình xe buýt** |  |  |  |
| **a** | Có kinh nghiệm hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe buýt ở 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương |  |  |  |
| **b** | Có kinh nghiệm hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe buýt từ 02 tỉnh, thành phố |  |  |  |

***\* Ghi chú:***Đơn vị nộp đầy đủ các tài liệu chứng minh kèm theo. Đối với kinh nghiệm hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe buýt đơn vị cần nộp kèm văn bản, hợp đồng khai thác tuyến lần đầu (đầu tiên) để xem xét ưu tiên về thời gian kinh nghiệm.

**Đại diện hợp pháp của đơn vị** (Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

**3. Bảng đánh giá về năng lực và điều kiện kinh doanh vận tải**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung đánh giá năng lực và điều kiện kinh doanh** | **Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (Đạt)** | **Yêu cầu đối với đơn vị tham dự** |
| **1** | **Điều kiện kinh doanh** |  |  |
| 1.1 | Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô loại hình kinh doanh vận tải bằng xe buýt | Giấy phép kinh doanh đúng quy định | phải đáp ứng yêu cầu này |
| 1.2 | Năng lực tài chính (nguồn vốn chủ sở hữu để thực hiện đầu tư khai thác) | Báo cáo tài chính năm gần nhất đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán, trường hợp là tổ chức mới thành lập trong năm, thì phải cung cấp báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán trong khoảng thời gian kể từ thời điểm thành lập đến trước thời điểm hết hạn nhận hồ sơ | phải đáp ứng yêu cầu này |
| **2** | **Năng lực khai thác tuyến** |  |  |
| 2.1 | Phương án khai thác tuyến | Phương án khai thác tuyến đảm bảo các thông tin: Số lượng xe, loại xe, tần suất, thời gian hoạt động trong ngày; phương án giá vé, bố trí lái xe và nhân viên phục vụ,...; | phải đáp ứng yêu cầu này |
| 2.2 | Phương tiện xe buýt sử dụng vận hành khai thác | - Số lượng xe theo Phương án khai thác tuyến (đảm bảo tối thiểu 6 xe);  - Xe phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê xe bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.  - Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;  - Trường hợp chưa có phương tiện thì phải có hợp đồng hoặc văn bản được ký với Đơn vị cung cấp phương tiện đảm bảo nhà đầu tư có thể thực hiện đầu tư phương tiện theo thời hạn quy định  - Xe phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 5; điểm c, khoản 1 Điều 13 của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ. (Phải có chỗ ưu tiên cho người khuyết tật, người cao tuổi và phụ nữ mang thai; có sức chứa từ 17 chỗ trở lên. Vị trí, số chỗ ngồi, chỗ đứng cho hành khách. Đối với hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt trên các tuyến có hành trình bắt buộc phải qua cầu có trọng tải cho phép tham gia giao thông từ 05 tấn trở xuống hoặc trên 50% lộ trình tuyến là đường từ cấp IV trở xuống (hoặc đường bộ đô thị có mặt cắt ngang từ 07 mét trở xuống) được sử dụng xe ô tô có sức chứa từ 12 đến dưới 17 chỗ;…). | phải đáp ứng yêu cầu này |
| 2.3 | Đăng ký chất lượng dịch vụ | - Có giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải;  - Áp dụng Quy trình chất lượng dịch vụ vận tải theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành hoặc đơn vị tự xây dựng Quy trình chất lượng dịch vụ vận tải được cơ quan có thẩm quyền công nhận | phải đáp ứng yêu cầu này |
| 2.4 | Camera, thiết bị giám sát hành trình trên xe | Có hợp đồng lắp đặt hoặc cam kết lắp đặt camera, giám sát hành trình trên xe theo đúng quy định | phải đáp ứng yêu cầu này |
| 2.5 | Bảo đảm an toàn giao thông | Quy trình bảo đảm an toàn giao thông theo mẫu quy định | phải đáp ứng yêu cầu này |
| 2.6 | Phát hành vé ưu tiên (miễn hoặc giảm giá vé) cho hành khách là trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật, người cao tuổi, người có công cách mạng | Có cam kết hoặc phương án phát hành vé ưu tiên (miễn hoặc giảm giá vé) cho hành khách là trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật, người cao tuổi, người có công cách mạng | phải đáp ứng yêu cầu này |

**4. Bảng đánh giá về kỹ thuật**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung đánh giá** | **Mức điểm tối đa** | **Thang điểm chi tiết** | **Mức điểm yêu cầu tối thiểu** |
| **1** | **Niên hạn sử dụng và trang thiết bị trên xe** | **65** |  | **25** |
| **1.1** | Niên hạn sử dụng xe tính từ năm sản xuất đến thời điểm nộp hồ sơ, xe có niên hạn khác nhau thì thực hiện tính điểm bình quân, không xem xét xe đã có trên 10 năm niên hạn sử dụng (trừ xe điện) | **50** |  | **20** |
| **a** | Xe mới 100% chưa qua sử dụng hoặc Xe điện còn niên hạn sử dụng theo quy định |  | **50** |  |
| **b** | Xe có 1 đến 4 năm niên hạn sử dụng (1 năm được 38 điểm, cứ thêm 1 năm niên hạn thì trừ 2 điểm) |  | **34-40** |  |
| **c** | Xe có từ trên 4 năm đến 07 năm niên hạn (từ trên 04 năm được 30 điểm, cứ thêm 01 năm niên hạn thì trừ 3 điểm nhưng không quá 07 năm niên hạn) |  | **24-30** |  |
| **d** | Xe có niên hạn từ trên 7 năm đến 10 năm |  | **20** | **20** |
| **1.2** | Các trang thiết bị trên phương tiện | **15** |  | **5** |
| **a** | Có điều hòa nhiệt độ (mỗi phương tiện phải có trang bị) |  | **5** | **5** |
| **b** | Có lắp Wifi (mỗi phương tiện phải có trang bị) |  | **5** | **0** |
| **c** | Có thiết kế, thiết bị, công cụ hỗ trợ người khuyết tật (mỗi phương tiện phải có trang bị) |  | **5** | 0 |
| **2** | **Năng lực bảo dưỡng phương tiện** | **10** |  | **5** |
| **a** | Trực tiếp của đơn vị |  | **10** |  |
| **b** | Hợp đồng thuê đơn vị khác thực hiện |  | **5** | 5 |
| **3** | **Hoạt động kinh doanh khai thác tuyến** | **15** |  | **10** |
| **a** | Có cam kết chấp hành các quy định của pháp luật về giao thông đường bộ; chấp hành quy định của cấp có thẩm quyền quy định về phương tiện đường bộ hoạt động trên địa bàn tỉnh. |  | **5** | **5** |
| **b** | Có cam kết về kế hoạch thay thế, bổ sung xe điện trong quá trình khai thác |  | **5** | **5** |
| **c** | Có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành (chứng minh bằng tài liệu thực tế) |  | **5** | **0** |
| **4** | **Về kinh nghiệm hoạt động kinh doanh vận tải loại hình xe buýt** | **10** |  | **0** |
| **a** | Có kinh nghiệm hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe buýt ở 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương |  | **5** | **0** |
| **b** | Có kinh nghiệm hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe buýt từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương |  | **10** | **0** |

**II. Phương thức thực hiện đánh giá, lựa chọn**

**1. Thực hiện đánh giá**

1.1. Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ

Căn cứ các quy định về hồ sơ tham gia lựa chọn để xem xét, đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ; trong khoảng thời gian xem xét, đánh giá hồ sơ, đơn vị vận tải phải có trách nhiệm làm rõ, bổ sung tài liệu liên quan để chứng minh tư cách hợp lệ của hồ sơ theo yêu cầu bằng văn bản của Cơ quan tổ chức lựa chọn. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, không đáp ứng yêu cầu theo quy định sẽ bị loại. Đơn vị tham gia lựa chọn có hồ sơ hợp lệ sẽ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và điều kiện kinh doanh.

1.2. Đánh giá việc đáp ứng yêu cầu về năng lực và điều kiện kinh doanh

Căn cứ các quy định về năng lực và điều kiện kinh doanh để xem xét, đánh giá. Nội dung đánh giá theo tiêu chí **đạt** hoặc **không đạt**. Đơn vị tham gia lựa chọn đạt tất cả các nội dung theo quy định mới được đánh giá là đáp ứng yêu cầu. Đơn vị tham gia lựa chọn đáp ứng yêu cầu về năng lực và điều kiện kinh doanh mới được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật.

1.3. Đánh giá về đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

Việc đánh giá về kỹ thuật đối với hồ sơ được thực hiện theo phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100, bao gồm các nội dung theo quy định đã nêu trên. Đơn vị tham gia lựa chọn không đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu một trong các tiêu chuẩn kỹ thuật được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.Đơn vị đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật mới được xem xét, xếp thứ tự đơn vị tham gia lựa chọn.

**2. Lựa chọn đơn vị đầu tư khai thác**

2.1. Trường hợp chỉ có 01 (một) đơn vị được xem xét, đánh giá về kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì đơn vị đó được lựa chọn đầu tư khai thác tuyến.

2.2. Trường hợp có từ 02 (hai) đơn vị trở lên được xem xét, đánh giá về kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì căn cứ vào điểm đánh giá về kỹ thuật đối với hồ sơ để lựa chọn đơn vị đầu tư khai thác tuyến. Đơn vị có điểm đánh giá về kỹ thuật xếp thứ tự cao nhất sẽ được lựa chọn đầu tư khai thác tuyến. Trường hợp có từ 02 (hai) đơn vị trở lên có điểm đánh giá về kỹ thuật xếp thứ tự cao nhất và bằng nhau thì sẽ dựa vào các tiêu chí ưu tiên theo thứ tự sau đây để xác định đơn vị được lựa chọn đầu tư khai thác tuyến:

**(1)** đơn vị có phương án giá vé toàn tuyến thấp nhất (tại thời điểm vận hành khai thác) sẽ được lựa chọn;

(**2**) đơn vị có phương án, chính sách miễn, giảm giá vé tốt hơn (giảm giá vé cho nhiều đối tượng và tỉ lệ giảm giá cao hơn) sẽ được lựa chọn;

(**3**) đơn vị có thời gian kinh nghiệm nhiều hơn trong hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt sẽ được lựa chọn;

(**4**) đơn vị có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Quảng Nam sẽ được lựa chọn.